

---

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**QUÝ II NĂM 2021**

---

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>281,915,978,150</b>	<b>94,295,841,578</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>IV.01</b>	<b>1,612,874,705</b>	<b>3,562,056,301</b>
1. Tiền	111		1,612,874,705	3,562,056,301
2. Các khoản tương đương tiền	112			
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>280,107,890,153</b>	<b>90,620,801,108</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	IV.02	6,100,432,200	26,922,815,154
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	IV.03	217,366,805,000	23,655,000,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	IV.04	26,100,000,000	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	IV.05a	30,540,652,953	40,042,985,954
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>125,069,036</b>	<b>40,307,257</b>
1. Hàng tồn kho	141	IV.06	125,069,036	40,307,257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>70,144,256</b>	<b>72,676,912</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			21,300,000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26,724,139	7,956,795
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	IV.11	43,420,117	43,420,117

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>252,578,541,641</b>	<b>306,738,771,053</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>22,279,179,930</b>	<b>89,634,579,930</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	IV.05b	22,279,179,930	89,634,579,930
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2,780,441,241</b>	<b>3,070,322,439</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	IV.07	2,780,441,241	3,070,322,439
- Nguyên giá	222		5,335,124,014	5,335,124,014
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(2,554,682,773)	(2,264,801,575)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>			
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>IV.08</b>	<b>227,516,173,000</b>	<b>214,027,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		23,289,173,000	9,800,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			

Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		204,227,000,000	204,227,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>IV.09</b>	<b>2,747,470</b>	<b>6,868,684</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2,747,470	6,868,684
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>534,494,519,791</b>	<b>401,034,612,631</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>4,916,572,499</b>	<b>88,889,195,527</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4,916,572,499</b>	<b>88,889,195,527</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	IV.10	2,753,148,922	4,527,610,890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312			
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	IV.11	1,807,551,787	1,904,618,408
4. Phải trả người lao động	314		128,437,364	402,538,376
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	IV.12	75,000,000	1,909,289,540
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	IV.13	97,459,839	90,163,726
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	IV.14		80,000,000,000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		54,974,587	54,974,587
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>529,577,947,292</b>	<b>312,145,417,104</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>IV.15</b>	<b>529,577,947,292</b>	<b>312,145,417,104</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		431,999,740,000	251,999,740,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		431,999,740,000	251,999,740,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(70,000,000)	
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		2,863,107,311	2,863,107,311
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		94,785,099,981	57,282,569,793
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		57,282,569,793	3,690,887,581
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		37,502,530,188	53,591,682,212
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	431			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>534,494,519,791</b>	<b>401,034,612,631</b>

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc





Chủ Thị Ngọc Hà

Phạm Thị Minh Thư

Nguyễn Minh Tâm

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A KĐT Vĩnh Hoàng,  
Hoàng Văn Thụ, Hoàng Mai, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/04/2021 đến ngày 30/06/2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**

**QUÝ II NĂM 2021**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2021		Quý II/2020		Lý kế từ 01/01/2021		Lý kế từ 01/01/2020	
			4	5	4	5	đến 30/06/2021	đến 30/06/2020		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.01	6,136,902,567	39,769,713,475	6,310,389,839	95,452,341,797				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02									
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		6,136,902,567	39,769,713,475	6,310,389,839	95,452,341,797				
4. Giá vốn hàng bán	11	V.02	3,321,279,711	39,122,655,576	3,443,191,401	91,741,985,866				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2,815,622,856	647,057,899	2,867,198,438	3,710,355,931				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.03	14,700,298,765	22,246,393,045	38,321,404,130	45,142,871,042				
7. Chi phí tài chính	22	V.04	21,729,410	1,941,647,354	2,150,398,700	2,192,036,808				
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			1,898,544,549	2,128,537,290	2,148,934,003				
8. Chi phí bán hàng	25	V.05	101,100,926	44,033,642	231,701,852	44,033,642				
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.06	715,852,152	512,371,741	1,300,902,906	873,576,509				
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - 25 - 26	30		16,677,239,133	20,395,398,207	37,505,599,110	45,743,580,014				

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2021	Quý II/2020	Lý kế từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Lý kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
	1	2	3	4	5	
11. Thu nhập khác	31				4	5
12. Chi phí khác	32	V.07	2,378,720	201,267	3,068,922	201,267
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-2,378,720	(201,267)	-3,068,922	(201,267)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		16,674,860,413	20,395,196,940	37,502,530,188	45,743,378,747
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.08				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		16,674,860,413	20,395,196,940	37,502,530,188	45,743,378,747
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

*Ngọc Hà*

Chữ Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

*MV*

Phạm Thị Minh Thư



Hạng giám đốc

Nguyễn Minh Tâm



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

QUÝ II NĂM 2021

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1	2	3	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		27,157,905,486	32,567,398,894
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(235,682,473,106)	(115,863,213,303)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1,107,134,158)	(498,343,281)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3,765,863,141)	(2,164,334,330)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05			
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		103,487,603,661	76,967,131,961
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(286,009,631)	(96,194,501,126)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	<i>20</i>		<i>(110,195,970,889)</i>	<i>(105,185,861,185)</i>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(26,100,000,000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(18,389,173,000)	(20,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		44,900,000,000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7,835,962,293	45,142,871,042
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	<i>30</i>		<i>8,246,789,293</i>	<i>25,142,871,042</i>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		180,000,000,000	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		5,200,000,000	108,800,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(85,200,000,000)	(28,800,000,000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	Lũy kế từ 01/01/2020 đến 30/06/2020
1	2	3	4	5
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		100,000,000,000	80,000,000,000
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50		(1,949,181,596)	(42,990,143)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60		3,562,056,301	846,560,470
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	70		1,612,874,705	803,570,327

Người lập biểu



Chử Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Phạm Thị Minh Thư

Lập, ngày 28 tháng 07 năm 2021

Tổng giám đốc



Nguyễn Minh Tâm

# CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vinh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** Thương mại và Dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh**
  - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
  - Mua bán vật tư tiêu hao, phim ảnh, hóa chất y tế;
  - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiểnChi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị y tế;
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

*Các Công ty con, công ty liên kết:*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp thực tế	Ngành nghề kinh doanh chính
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ	Số 96 đường Nguyễn Thị Minh Khai, khu vực 3, phường Ngã Bảy, thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang	98%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka	Lô A15, cụm công nghiệp Nam Sơn, xã Nam Sơn, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế
Công ty Cổ phần liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản	Khu công nghiệp Sông Hậu – Giai đoạn 1, xã Đông Phú, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang	100%	Bán buôn máy móc, thiết bị y tế

Các công ty con, công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường.

- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC:** Số liệu BCTC cho Quý I/2021 chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2021 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC Quý I năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2020.

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

### **III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

a) Đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết;

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Khi lập Báo cáo tài chính, doanh nghiệp phải xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

#### **5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

# CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

## 6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc thiết bị	05

## 7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

## 8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

## 9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, trích lập các quỹ, chia cổ tức**

### *Vốn đầu tư của chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### *Lợi nhuận chưa phân phối*

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

## **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *a) Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng./.

### *b) Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

### *c) Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

## **12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## **13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

### **15. Tài sản tài chính**

#### ***Phân loại tài sản tài chính***

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### ***Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

#### ***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

#### ***Các khoản cho vay và phải thu***

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

#### ***Tài sản tài chính sẵn sàng để bán***

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

#### ***Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính***

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

### **16. Nợ phải trả tài chính**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

#### ***Nợ phải trả tài chính***

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

*Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

*Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính*

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

*Công cụ vốn chủ sở hữu*

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

### **17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vinh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	311.014.805	396.164.742
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.301.859.900	3.165.891.559
<b>Cộng</b>	<b><u>1.612.874.705</u></b>	<b><u>3.562.056.301</u></b>

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>6.100.432.200</i>	-	<i>26.922.815.154</i>	-
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh dược và trang thiết bị y tế Việt Mỹ	2.000.330.000	-	-	-
Công Ty TNHH Công Trình Và Thiết Bị Kỹ Thuật Miền Nam	2.000.330.000	-	-	-
Công ty cổ phần đầu tư bệnh viện Việt Mỹ	2.000.330.000	-	-	-
Công Ty Cổ phần Sara Vũng Tàu	-	-	16.860.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn quốc tế Aiko	-	-	9.601.301.354	-
Các khách hàng khác	99.442.200	-	461.513.800	-
<b>Cộng</b>	<b><u>6.100.432.200</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>26.922.815.154</u></b>	<b><u>-</u></b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>217.366.805.000</i>	-	<i>23.655.000.000</i>	-
Công ty TNHH Thiết bị y học Nhật	97.835.000.000	-	23.655.000.000	-
Công ty Cổ Phần Đầu tư Lou	31.540.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Kanpeki Nhật Bản	87.980.090.000	-	-	-
Các nhà cung cấp khác	11.715.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>217.366.805.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>23.655.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>

**4. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản phải thu về cho vay ngắn hạn Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 0302/HĐHT/SRA-CT ngày 03 tháng 02 năm 2021, tổng số tiền vay là 26.100.000.000 VND, lãi suất vay 0%/năm, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**5. Các khoản phải thu khác****a) Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>30.485.441.837</b>	-	-	-
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ - Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.414.441.837	-	-	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ - Cổ tức, lợi nhuận được chia	24.071.000.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>55.211.116</b>	-	<b>40.042.985.954</b>	-
Công ty Quản lý quỹ Bông Sen (*)	2.900.000	-	40.003.300.000	-
Tạm ứng	46.311.116	-	15.685.954	-
Ký cược, ký quỹ	6.000.000	-	24.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>30.540.652.953</b>	-	<b>40.042.985.954</b>	-

**b) Dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Aiko(*)	-	-	27.698.400.000	-
Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu(**)	18.356.980.000	-	58.013.980.000	-
Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ(***)	3.922.199.930	-	3.922.199.930	-
<b>Cộng</b>	<b>22.279.179.930</b>	-	<b>89.634.579.930</b>	-

(\*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Aiko trong Dự án lắp đặt Hệ thống máy Spect và trang thiết bị cho Hotlab Spect, hotlab lot tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2020/HĐHT/SRAVN-AIKO ngày 08 tháng 5 năm 2020, tổng vốn dự kiến của Dự án là 46.164.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 27.698.400.000 VND tương đương 60% tổng vốn; thời gian 10 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 60:40. Theo biên bản thanh lý hợp đồng số 12.03/2021/SRA-AIKO ngày 12 tháng 03 năm 2021, do thay đổi về phương án sản xuất kinh doanh, hai bên thỏa thuận hủy bỏ hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã thu hồi toàn bộ số tiền 27.698.400.000 VND.

(\*\*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Vũng Tàu trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm- không khói trên địa bàn tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02/2020/HĐHT/SRAVN-SRAVT ngày 05 tháng 6 năm 2020, tổng vốn dự kiến của Dự án là 123.434.000.000 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 58.013.980.000 VND tương đương 47% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 47:53. Theo phụ lục hợp đồng số 01/PLHD/1203/2021/SRA-SRAVT ngày 12 tháng 03 năm 2021 thay đổi về tỷ lệ góp vốn vào dự án của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam là 5% tổng vốn đầu tư và lợi nhuận phân chia là 5% lợi nhuận sau thuế. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2021, Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã thu hồi số tiền 39.657.000.000 VND.

(\*\*\*) Là khoản đầu tư hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Sara Phú Thọ trong Dự án “Khu xử lý tập trung rác thải y tế bằng công nghệ đốt áp suất âm không khói” theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1808/2016/HĐHTKD-SRAPT ngày 15 tháng 11 năm 2016, tổng vốn dự kiến của Dự án là 78.443.998.595 VND, trong đó Công ty Cổ phần Sara Việt Nam góp 3.922.199.930 VND tương đương 5% tổng vốn; thời gian 50 năm, tỷ lệ góp vốn và phân chia lợi nhuận là 5:95.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	125.069.036	-	40.307.257	-
<b>Cộng</b>	<b>125.069.036</b>	<b>-</b>	<b>40.307.257</b>	<b>-</b>

**7. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Là giá trị máy móc thiết bị, chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	5.335.124.014	2.264.801.575	3.070.322.439
Khấu hao trong kỳ	-	289.881.198	(289.881.198)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.335.124.014</b>	<b>2.554.682.773</b>	<b>2.780.441.241</b>

**8. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>23.289.173.000</b>	<b>-</b>	<b>9.800.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ (a)	-	-	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ (b)	4.900.000.000	-	4.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka (c)	18.386.173.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản (d)	3.000.000	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>204.227.000.000</b>	<b>-</b>	<b>204.227.000.000</b>	<b>-</b>
Trung tâm sản nhi Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ (e)	204.227.000.000	-	204.227.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>227.516.173.000</b>	<b>-</b>	<b>214.027.000.000</b>	<b>-</b>

(a) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600985779 ngày 21 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp; giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ nhất ngày 04 tháng 6 năm 2018; tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ. Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sara Việt nam số 1901/2021/NQHĐQT/SRA ký ngày 19 tháng 01 năm 2021 quyết định thoái 490.000 cổ phần của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.900.000.000 VND theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1901/2021/HĐCNCP/SRA-PT ký ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Bà Nguyễn Thị Thương thoái 485.000 cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 4.850.000.000 VND.

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2001/2021/HĐCNCP/SRA-PT ký ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Bà Nguyễn Thị Ánh thoái 5.000 cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 50.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021. Công ty đã thoái toàn bộ phần vốn góp trên.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

(b) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư kỹ thuật cao Cần Thơ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300290910 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp, tổng giá trị 4.900.000.000 VND tương đương 98% vốn điều lệ.

(c) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất thiết bị công nghệ cao Hạ Long Osaka theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5702075936 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty đã góp 18.386.173.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.

(d) Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Liên kết sản xuất Việt Nam Nhật Bản theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300345260 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hậu Giang cấp ngày 03 tháng 06 năm 2021. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty đã góp 3.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.

(e) Là khoản đầu tư vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ để đầu tư xây dựng Trung tâm sản Nhi thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ theo hợp đồng góp vốn số 01/2019/HĐ/BVĐKPT-SRA ngày 24 tháng 9 năm 2019, số tiền góp vốn là 200.000.000.000 VND, thời hạn góp là 36 năm. Công ty được cấp Giấy chứng nhận góp vốn tương ứng với từng lần góp vốn. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đã góp vốn vào Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Thọ là 204.227.000.000 VND. Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng này được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Á.(Thuyết minh V.12). Đến thời điểm hiện tại Trung tâm sản nhi đã đi vào hoạt động tuy nhiên do chưa quyết toán được chi phí đầu tư dự án để xác định tỷ lệ phân chia lợi nhuận do đó Công ty chưa đủ cơ sở ghi nhận doanh thu liên quan đến khoản đầu tư này.

### 9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.747.470	6.868.684
<b>Cộng</b>	<b><u>2.747.470</u></b>	<b><u>6.868.684</u></b>

### 10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b><i>2.753.148.922</i></b>	<b><i>4.527.610.890</i></b>
Công ty TNHH Thiết bị và dụng cụ y khoa 3P	2.268.700.000	4.268.700.000
Công ty Cổ phần Quản Lý Quỹ Bông Sen	203.857.947	-
Các nhà cung cấp khác	280.590.975	258.910.890
<b>Cộng</b>	<b><u>2.753.148.922</u></b>	<b><u>4.527.610.890</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	100.069.817	-	4.308.478	(86.908.303)	17.469.992	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	43.420.117	-	-	-	43.420.117
Thuế thu nhập cá nhân	1.804.548.591	-	12.747.461	(27.214.257)	1.790.081.795	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.904.618.408</b>	<b>43.420.117</b>	<b>20.055.939</b>	<b>(117.122.560)</b>	<b>1.807.551.787</b>	<b>43.420.117</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Doanh thu bán vật tư, thiết bị y tế	5%
- Doanh thu cung cấp dịch vụ xét nghiệm, chiếu, chụp liên kết với các bệnh viện	Không chịu thuế
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	10%

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**12. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	-	1.637.193.851
Phí ủy thác đầu tư	-	236.095.689
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	75.000.000	36.000.000
<b>Cộng</b>	<b>75.000.000</b>	<b>1.909.289.540</b>

**13. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	9.608.573	9.608.573
Bảo hiểm xã hội	21.924.744	15.621.805
Bảo hiểm y tế	1.915.407	1.276.938
Bảo hiểm thất nghiệp	1.064.115	709.410
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	62.947.000	62.947.000
<b>Cộng</b>	<b>97.459.839</b>	<b>90.163.726</b>

**14. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn cục cá nhân	-	5.200.000.000	(5.200.000.000)	-
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Việt Á (*)	80.000.000.000	-	(80.000.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>5.200.000.000</b>	<b>(85.200.000.000)</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**15. Vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư và phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm nay	180.000.000.000	-	2.863.107.311	111.690.627.581	294.553.734.892
Lợi nhuận năm trước	-	-	-	53.591.682.212	53.591.682.212
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	71.999.740.000	-	-	(71.999.740.000)	-
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	(36.000.000.000)	(36.000.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>251.999.740.000</b>	<b>-</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>57.282.569.793</b>	<b>312.145.417.104</b>
Số dư đầu năm nay	251.999.740.000	-	2.863.107.311	57.282.569.793	312.145.417.104
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	180.000.000.000	(70.000.000)	-	-	179.930.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	37.502.530.188	37.502.530.188
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>431.999.740.000</b>	<b>(70.000.000)</b>	<b>2.863.107.311</b>	<b>94.785.099.981</b>	<b>529.577.947.292</b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.199.974	25.199.974
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.199.974	25.199.974
- Cổ phiếu phổ thông	43.199.974	25.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.199.974	25.199.974
- Cổ phiếu phổ thông	43.199.974	25.199.974
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Cộng	6.136.902.567	39.769.713.475
	<u>6.136.902.567</u>	<u>39.769.713.475</u>
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
Giá vốn của hàng bán	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Cộng	3.321.279.711	39.122.655.576
	<u>3.321.279.711</u>	<u>39.122.655.576</u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Lãi tiền gửi	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Lãi đầu tư cổ phiếu	298.765	169.757
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Cộng	14.700.000.000	22.246.223.288
	<u>14.700.298.765</u>	<u>22.246.393.045</u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Chi phí tài chính		1.898.544.549
Cộng	21.729.410	43.102.805
	<u>21.729.410</u>	<u>1.941.647.354</u>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Cộng	101.100.926	44.033.642
	<u>101.100.926</u>	<u>44.033.642</u>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Cộng	715.852.152	512.371.741
	<u>715.852.152</u>	<u>512.371.741</u>
<b>7. Chi phí khác</b>		
Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Cộng	2.378.720	201.267
	<u>2.378.720</u>	<u>201.267</u>
<b>8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế	16.674.860.413	20.395.196.940
	(14.697.621.280)	(22.246.022.021)

## CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 6, tòa nhà Nam Hải, Lô 1-9A Khu đô thị Vĩnh Hoàng, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam **BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II NĂM 2021**

cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Quý II/2021</u>	<u>Quý II/2020</u>
toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.378.720	201.267
<i>Tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm</i>	<i>2.378.720</i>	<i>201.267</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(14.700.000.000)	(22.246.223.288)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	<i>(14.700.000.000)</i>	<i>(22.246.223.288)</i>
Thu nhập chịu thuế	1.977.239.133	(1.850.825.081)
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.977.239.133)	
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Những sự kiện phát sinh trong năm tài chính

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông bất thường năm 2020 số 02/2020/SRA/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 12 năm 2020, công ty sẽ phát hành thêm 18.000.000 cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 251.999.740.000 VND lên 431.999.740.000 VND. Đến ngày 25/01/2020, Công ty đã phát hành thành công số cổ phiếu trên, vốn điều lệ theo giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần thứ 20 ngày 23 tháng 2 năm 2021 là 431.999.740.000 VND.

Nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sara Việt nam số 1901/2021/NQHĐQT/SRA ký ngày 19 tháng 01 năm 2021 quyết định thoái 490.000 cổ phần của Công ty Cổ phần sản xuất kinh doanh thiết bị y tế môi trường Phú Thọ với tổng giá trị chuyển nhượng là 4.900.000.000 VND theo các hợp đồng sau:

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 1901/2021/HĐCNCP/SRA-PT ký ngày 19 tháng 01 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Bà Nguyễn Thị Thương thoái 485.000 cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 4.850.000.000 VND.

+ Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 2001/2021/HĐCNCP/SRA-PT ký ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa Công ty Cổ phần Sara Việt Nam và Bà Nguyễn Thị Ánh thoái 5.000 cổ phần với giá trị chuyển nhượng là 50.000.000 VND.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021. Công ty đã thoái toàn bộ phần vốn góp trên.

Lập ngày 28 tháng 07 năm 2021

Người lập biểu

Chủ Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng

Phạm Thị Minh Thư

Tổng Giám đốc



Nguyễn Minh Tâm